

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số:58/2019/HS-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2019*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2019/TLST -HS, ngày 27/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/HSST-QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M, tên gọi khác: Không, sinh năm 1961 tại G T, G V, N.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Nguyễn Xuân B và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Không

Lịch sử bản thân : Ngày 18/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 36 tháng tù về tội ‘Chứa mại dâm’, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 08/4/2015.

Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Chị Trần Thị H sinh năm 1989. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N.

2- Chị Trần Thị L sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại : Thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh P.

3- Chị Vũ Thị H sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị M là chủ quán Karaoke 179 ở thôn 6, xã G, huyện G. Quá trình kinh doanh karaoke, M thuê Trần Thị H, sinh năm 1989, trú tại thôn Đ, xã G, huyện G; Trần Thị L, sinh năm 1991, trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh P và Vũ Thị H, sinh năm 1995, trú tại thôn C, xã Đ, huyện N làm nhân viên phục vụ trong quán hát. Hàng ngày, Trần Thị H, L, Vũ Thị H ăn, nghỉ tại nhà M để phục vụ khách hát karaoke, nếu khách có nhu cầu thuê người bấm chọn bài và hát cùng. Nguyễn Thị M cũng quy định giá thuê nhân viên hát cùng là 150.000 đồng/01 giờ/01 nhân viên, số tiền này nhân viên phục vụ được hưởng 100.000 đồng, Nguyễn Thị M được hưởng 50.000 đồng. Đến khoảng giữa tháng 6/2019, do quán hát karaoke có ít khách, muốn tăng thêm thu nhập nên L, Vũ Thị H, Trần Thị H đã xin Nguyễn Thị M cho L, Vũ Thị H, Trần Thị H được bán dâm cho khách tại phòng trọ của gia đình M (bên cạnh quán hát karaoke) khi khách có nhu cầu mua dâm, M đồng ý. Nguyễn Thị M thỏa thuận với L, Vũ Thị H, Trần Thị H nếu có khách hát mua dâm thì L, Vũ Thị H, Trần Thị H sẽ tự thỏa thuận, trực tiếp thu tiền của khách và bán dâm cho khách tại phòng trọ của gia đình M với giá mỗi một lần bán dâm là từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng; sau đó thông báo lại và thanh toán cho M. Số tiền thu được, nếu bán dâm cho khách được 250.000 đồng thì M hưởng 100.000 đồng, L, hưởng 150.000 đồng; nếu bán dâm cho khách được 300.000 đồng, M hưởng 150.000 đồng, L, Vũ Thị H, Trần Thị H hưởng 150.000 đồng; còn nếu L, Vũ Thị H, Trần Thị H thu được tiền bán dâm nhiều hơn so với thỏa thuận với M thì ngoài số tiền được hưởng theo thỏa thuận L, Vũ Thị H, Trần Thị H còn được hưởng số tiền nhiều hơn đó.

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/6/2019 đến ngày 25/6/2019, Nguyễn Thị M đã sử dụng phòng trọ của gia đình mình để cho Trần Thị H, Trần Thị L, Vũ Thị H bán dâm cho Trần Văn H và Vũ Văn Th 03 lần để thu lời. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tối ngày 20/6/2019, Trần Lê H, sinh năm 1993 trú tại thôn V, xã Th, huyện N đến quán hát Karaoke 179 của Nguyễn Thị M yêu cầu có nhân viên nữ hát cùng. Trần Thị H đã cùng hát với H. Quá trình hát karaoke, H đã hỏi mua dâm Trần Thị H, H đồng ý và đưa H xuống phòng trọ của gia đình M bán dâm. Trần Thị H thỏa thuận và thu của H số tiền 300.000 đồng rồi quan hệ tình dục với H. Số tiền 300.000 đồng thu của Trần Lê H, M và H chia nhau mỗi người được hưởng 150.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 25/6/2019, Trần Lê H và Vũ Văn Th, sinh năm 1989, trú tại thôn Ph, xã Đ, huyện N đến quán hát Karaoke 179 của Nguyễn Thị M để thuê phòng hát và yêu cầu có nhân viên nữ hát cùng. M đồng ý và dẫn Th, H lên phòng hát số 01 tầng 02 của quán hát rồi gọi Trần Thị L và Vũ Thị H lên phục vụ hát cùng với Th và H. Sau đó, do có công việc riêng nên M đã đi ra ngoài để giải quyết. Quá trình hát karaoke, Trần Lê H đã hỏi mua dâm Trần Thị L, L đồng ý và đưa H xuống phòng trọ số 02 của gia đình M bán dâm. Khi vào trong phòng, L hỏi H tiền mua bán dâm và được H đưa cho số tiền 400.000 đồng, sau đó H và L tự cởi hết quần áo của mình ra và quan hệ tình dục với nhau. Sau khi quan hệ tình dục xong, H vất bao cao su xuống nền nhà rồi mặc quần áo tiếp tục lên phòng hát karaoke, còn L cất

số tiền thu được từ việc bán dâm vào túi quần và nhặt vỏ bao cao su vừa sử dụng mang bỏ vào thùng rác ở cửa ra vào dãy phòng trọ rồi lên phòng hát cùng với Hoàn. Cùng lúc này, Vũ Văn Th hỏi mua dâm Vũ Thị H, Hoa đồng ý và đưa Th xuống phòng trọ số 02 của gia đình Mơ bán dâm. Khi vào trong phòng Vũ Thị H đã yêu cầu Th trả 300.000 đồng tiền mua dâm, Th đồng ý và trả cho H 300.000 đồng. Sau đó, Th và H lên giường cởi hết quần áo ra khỏi người để chuẩn bị quan hệ tình dục với nhau thì bị Tổ công tác Công an tỉnh N phối hợp với công an xã G kiểm tra, phát hiện.

Tại thời điểm kiểm tra, cơ quan công an phát hiện Trần Thị H đang nằm tại phòng ngủ tầng 01 của quán hát Karaoke 179. Khi lực lượng Công an đang tiến hành kiểm tra thì Nguyễn Thị M đi về quán, Tổ công tác Công an tỉnh N đã yêu cầu M vào làm việc. Thu giữ của Vũ Văn Th 01 túi nilon màu đen bên trong đựng bao cao su, chưa qua sử dụng, vỏ ngoài in dòng chữ FREMEN; thu giữ của Trần Thị L số tiền 300.000 đồng; thu giữ của Vũ Thị H số tiền 400.000 đồng.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị M, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N thu giữ: 10.000.000 đồng ở kết sắt đặt dưới chân cầu thang tầng 01 của quán hát; 01 vỏ bao cao su màu đỏ đã bị xé rách, nhãn hiệu SURE ở trên mặt giường phía dưới đệm trong phòng trọ số 02 của gia đình Mơ; 04 bao cao su chưa qua sử dụng (trong đó có 03 bao cao su màu trắng nhãn hiệu CONDON HUALEI và 01 bao cao su màu đỏ nhãn hiệu SURE ở trên mặt giường phía dưới đệm trong phòng ngủ số 01; 01 bao cao su đã qua sử dụng ở trong thùng rác bằng nhựa đặt ở cánh cửa xếp sắt khu vực sân trước dãy phòng trọ; 11 bao cao su chưa qua sử dụng, nhãn hiệu FREMEN, màu ghi ở trong túi nilon màu đen treo trên tường cạnh cửa sắt lối ra vào dãy phòng trọ.

Nguyễn Thị M và Trần Thị H đã tự nguyện giao nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G mỗi người số tiền 150.000 đồng, là tiền thu lời bất chính từ việc mua bán dâm.

Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 57/CT- VKS- GV, ngày 27/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị M ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo M không có ý kiến khiếu nại gì về Bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, Điều 51 khoản 1 điểm i, s, Điều 54 khoản 1 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Nguyễn Thị M là chủ quán Karaoke 179 ở thôn 6, xã G, huyện G. Quá trình kinh doanh karaoke, M thuê Trần Thị H, Trần Thị L và Vũ Thị H làm nhân viên phục vụ trong quán hát. Đến khoảng giữa tháng 6/2019, do quán hát karaoke có ít khách, muốn tăng thêm thu nhập nên L, Vũ Thị H, Trần Thị H đã xin Nguyễn Thị M cho L, Vũ Thị H, Trần Thị H được bán dâm cho khách tại phòng trọ của gia đình M (bên cạnh quán hát karaoke) khi khách có nhu cầu mua dâm, M đồng ý. Nguyễn Thị M và L, Vũ Thị H, Trần Thị H thỏa thuận: Nếu số tiền bán dâm cho khách được 250.000 đồng thì M hưởng 100.000 đồng, L, Vũ Thị H, Trần Thị H hưởng 150.000 đồng; nếu bán dâm cho khách được từ 300.000 đồng trở lên thì M hưởng 150.000 đồng, còn lại L, Vũ Thị H, Trần Thị H hưởng. Từ sự thỏa thuận nêu trên trong khoảng thời gian từ ngày 20/6/2019 đến ngày 25/6/2019, Nguyễn Thị M đã sử dụng phòng trọ của gia đình mình để cho Trần Thị H, Trần Thị L, Vũ Thị H bán dâm cho Trần Văn Hoàn và Vũ Văn Thuận 03 lần để thu lời. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tối ngày 20/6/2019, Trần Lê H đến quán hát Karaoke 179 của Nguyễn Thị M yêu cầu có nhân viên nữ hát cùng. Trần Thị H đã cùng hát với H. Quá trình hát karaoke, H đã hỏi mua dâm Trần Thị H, H đồng ý và đưa H xuống phòng trọ của gia đình M bán dâm với giá là tiền 300.000 đồng rồi quan hệ tình dục với H. Số tiền 300.000 đồng thu của Trần Lê H, M và H chia nhau mỗi người được hưởng 150.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 25/6/2019, Trần Lê H và Vũ Văn Th, đến quán hát Karaoke 179 của Nguyễn Thị M để thuê phòng hát và yêu cầu có nhân viên nữ hát cùng. M đồng ý và dẫn Th, H lên phòng hát số 01 tầng 02 của quán hát rồi gọi Trần Thị L và Vũ Thị H lên phục vụ hát cùng với Th và H. Quá trình hát karaoke, Trần Lê H đã hỏi mua dâm Trần Thị L, L đồng ý và đưa H xuống phòng trọ số 02 của gia đình M bán dâm với giá tiền là 400.000 đồng. Sau khi quan hệ tình dục xong, H vất bao cao su xuống nền nhà rồi mặc quần áo tiếp tục lên phòng hát karaoke, còn L cất số tiền thu được từ việc bán dâm vào túi quần và nhặt vỏ bao cao su vừa sử dụng mang bỏ vào thùng rác. Cùng lúc này, Vũ Văn Th hỏi mua dâm Vũ Thị Hoa, H đồng ý và đưa Th xuống phòng trọ số 02 của gia đình M bán dâm với giá là 300.000 đồng. Sau đó, Th và H lên giường cởi hết quần áo ra khỏi người để chuẩn bị quan hệ tình dục với nhau thì bị Tổ công tác Công an tỉnh N phối hợp với công an xã G kiểm

tra, phát hiện bắt quả tang. Thu giữ của Vũ Văn Th 01 túi nilon màu đen bên trong đựng bao cao su, chưa qua sử dụng, vỏ ngoài in dòng chữ FREMEN; thu giữ của Trần Thị L số tiền 300.000 đồng; thu giữ của Vũ Thị H số tiền 400.000 đồng.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị M, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N thu giữ: 10.000.000 đồng ở kết sắt đặt dưới chân cầu thang tầng 01 của quán hát; 01 vỏ bao cao su màu đỏ đã bị xé rách, nhãn hiệu SURE ở trên mặt giường phía dưới đệm trong phòng trọ số 02 của gia đình M; 04 bao cao su chưa qua sử dụng (trong đó có 03 bao cao su màu trắng nhãn hiệu CONDON HUALEI và 01 bao cao su màu đỏ nhãn hiệu SURE ở trên mặt giường phía dưới đệm trong phòng ngủ số 01; 01 bao cao su đã qua sử dụng ở trong thùng rác bằng nhựa đặt ở cánh cửa xếp sắt khu vực sân trước dãy phòng trọ; 11 bao cao su chưa qua sử dụng, nhãn hiệu FREMEN, màu ghi ở trong túi nilon màu đen treo trên tường cạnh cửa sắt lối ra vào dãy phòng trọ.

Rõ ràng chỉ trong thời gian ngắn bị cáo M đã hai lần sử dụng phòng ngủ nhà mình để cho đối tượng Trần Thị L, Trần Thị H, Vũ Thị H mỗi đối tượng bán dâm 01 lần cho 02 khách nam và bị cáo thu lời bất chính tổng số tiền là 450.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm tội “Chứa mại dâm”. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo, số lần thực hiện tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, có gia đình chồng con đang hoàng nhưng không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính. Chỉ vì mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội. Mại dâm đang là một tệ nạn nguy hiểm mà Nhà nước và xã hội ta đang ra sức loại trừ. Mại dâm là một trong những nguyên nhân chính gây nên căn bệnh HIV/AIDS. Hành vi chứa mại dâm của bị cáo đã xâm hại nghiêm trọng những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, làm sứt mẻ, băng hoại giá trị đạo đức của con người, chà đạp lên nhân phẩm của người phụ nữ, gây nhiều hệ lụy xấu cho xã hội. Do đó cần phải phải có biện pháp xử lý nghiêm minh bằng cách, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, biết chấp hành kỷ cương, pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi bị phát hiện bắt quả tang đã tự thú khai báo ra lần phạm tội trước đó; bản thân bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo ung thư phổi giai đoạn cuối, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở các các tình tiết tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xét cần có một hình phạt thật nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo

trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là căn cứ để áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị M, quá trình điều tra xác định đây là tiền Mơ thu được từ việc bán hàng, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Đối với 400.000 đồng thu của Trần Thị L và 300.000 đồng thu của Vũ Thị H, quá trình điều tra xác định đây là tiền mà L và H thu được từ việc bán dâm cho Vũ Văn Th và Trần Lê H ngày 25/6/2019; số tiền 300.000 đồng do Nguyễn Thị M và Trần Thị H giao nộp tại cơ quan điều tra, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị M và các đối tượng Trần Thị H, Trần Thị L, Vũ Thị H đã thu lồi bất chính từ hoạt động chứa dâm và bán dâm cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 12 bao cao su chưa sử dụng, màu ghi, trên vỏ có chữ FREMEN; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 03 bao cao su màu trắng chưa sử dụng, nhãn hiệu CONDON HUALEI; 01 bao cao su chưa sử dụng, nhãn hiệu SURE; 01 vỏ bao cao su đã bị sứt rách, nhãn hiệu SURE là công cụ bị cáo và các đối tượng chuẩn bị và sử dụng vào việc mua bán dâm không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với Trần Lê H, Vũ Văn Th chỉ có hành vi mua dâm của Trần Thị L, Trần Thị H, Vũ Thị H nên không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với Trần Thị L, Trần Thị H, Vũ Thị H là những đối tượng bán dâm nên không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Chứa mại dâm”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 04(bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng 106 BLTTHS; Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng cụ thể gồm: số tiền 400.000 đồng thu giữ của Trần Thị L; số tiền 300.000 đồng thu giữ của Vũ Thị H và số tiền 300.000 đồng do Nguyễn Thị M và Trần Thị H giao nộp (Trong tổng số tiền 11.000.000 đồng gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

- Tịch thu tiêu hủy 12 bao cao su chưa sử dụng, màu ghi, trên vỏ có chữ FREMEN; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 03 bao cao su màu trắng chưa sử dụng, nhãn hiệu CONDON HUALEI; 01 bao cao su chưa sử dụng, nhãn hiệu SURE; 01 vỏ bao cao su đã bị sứt rách, nhãn hiệu SURE

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M số tiền 10.000.000 đồng (Trong tổng số tiền 11.000.000 đồng gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G)

nhưng tiếp tục quản lý 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án. (Đặc điểm chi tiết các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, ngày 28/8/2019).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị M phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HỮU QUỐC